

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2018/HNGĐ-ST

Ngày 09 - 5 - 2018

“Về việc: Ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Hữu Khánh

Ông Nguyễn Văn Hành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018. Về việc “Ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị C, sinh năm 1983 (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Văn S, sinh năm 1979 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Bình Thành, xã Trần Thới, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2018 và tại phiên tòa chị Trương Thị C (nguyên đơn) trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị C và anh S kết hôn ngày 12/12/1999, không có đăng ký kết hôn. Chị C cảm cho rằng sau khi kết hôn về thì vợ chồng về chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng hiện nay vẫn còn sống chung không ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S nhậu về kiếm chuyện chửi vợ, con, việc làm của anh S đã được hai bên cha mẹ hàn gắn để vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng anh S không thay đổi. Chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên chị C yêu cầu xin được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị C và anh S có 02 con chung tên là Trần Như B, sinh ngày 12/11/2000 và Trần Hoàng Kh, sinh ngày 07/02/2008, hiện 02 con đang sống với vợ chồng. Khi ly hôn chị C cần yêu cầu con theo ai thì người đó nuôi, người không nuôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị C trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Chị C trình bày vợ chồng không nợ thu ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo anh Trần Văn S (Bị đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Anh S không đồng ý ly hôn, anh cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là có cự cãi qua lại chưa đến mức trầm trọng để ly hôn. Anh yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ tiếp tục chung sống để nuôi con.

Về con chung: Anh thống nhất lời trình bày của chị C. Sau khi ly hôn thì 02 con theo ai thì người đó nuôi, người không nuôi con không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có nợ thu, không có nợ phải trả nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Trần Văn S có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Trương Thị C khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Văn S nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị C và anh Trần Văn S xác lập quan hệ hôn nhân ngày 12/12/1999 không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị C và anh S không được pháp luật thừa nhận theo quy

định tại khoản 1 Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ của chị C và anh S là vợ chồng.

[3] Về nuôi con: Chị C và anh S trình bày vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Như B, sinh ngày 12/11/2000 và Trần Hoàng Kh, sinh ngày 07/02/2008. Chị C và anh S thống nhất con theo ai thì người đó nuôi, người không nuôi không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con của chị C và anh S là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Như B và Trần Hoàng Kh được thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 17/4/2018 nên Hội đồng xét xử công nhận. Tiếp tục giao Trần Như B và Trần Hoàng Kh cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng, anh S không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị C và anh S thống nhất tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về nợ thu và nợ trả: Chị C và anh S trình bày vợ chồng không có nợ thu và cũng không có nợ trả, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 243, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 09, 51, 56, 81, 82, và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 27/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị C như sau:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Trương Thị C và anh Trần Văn S là vợ chồng.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Như B, sinh ngày 12/11/2000 và Trần Hoàng Kh, sinh ngày 07/02/2008 cho chị Trương Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S không cấp dưỡng nuôi con.

Anh S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị C phải chịu án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng), chị C có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004254 ngày 19/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được chuyển thu.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị C, anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CCTHA huyện C;
- Dương sự;
- UBND xã Trần Th;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính